

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 08 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Á**, sinh năm 1978 (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Ngô Thị Á** trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị **Á** và anh **Nguyễn Văn D** chung sống với nhau vào năm 1997, đến nay chưa đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2002 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh **D** thường hay uống rượu về chửi chị **Á** và gia đình bên chị **Á**. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng xảy ra gay gắt, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2020 đến nay.

Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 25/01/1998 (đã lập gia đình riêng), Nguyễn Thị H, sinh năm 28/2/1999 (đã lập gia đình riêng), Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/04/2012 (hiện chung sống với chị Á).

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Nay chị Á yêu cầu được ly hôn với anh D, 02 người con lớn đã thành niên nên không yêu cầu, yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/04/2012, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị Á xin ly hôn với anh D; yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/04/2012, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 02/06/2023 bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:**

A và chị Ngô Thị Á chung sống với nhau vào năm 1997, đến nay chưa đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng về sinh hoạt đời sống hàng ngày, anh D có chửi chị Á, có lúc chửi đến bên vợ. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D1 và chị Á không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Anh D1 đồng ý ly hôn với chị Á, đồng ý giao con chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/04/2012 cho chị Á tiếp tục nuôi dưỡng, anh D1 không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh D1 đồng ý ly hôn với chị Á, đồng ý giao con chưa thành niên cho chị Á tiếp tục nuôi dưỡng, anh D1 không cấp dưỡng nuôi con chung; vợ chồng có tài sản chung, nhưng anh D1 xác định là anh D1 khởi kiện thành vụ kiện khác sau khi ly hôn; vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Ngô Thị Á và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng; về con chung: Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 25/01/1998, Nguyễn Thị H, sinh năm 28/2/1999 đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được, nên không xét; giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/4/2012 cho chị Á tiếp tục nuôi dưỡng; chị Á không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét; về tài sản chung và nợ: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp hòa giải, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng trong quá trình chung sống từ năm 1997 đến nay chị **A** và anh **D** chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không có căn cứ để ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành mà phải mở phiên tòa theo quy định của pháp luật. Ngày 19/6/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị Á** và anh **Nguyễn Văn D** chung sống với nhau vào năm 1997, nhưng đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú*). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ngày 01/01/2015*) nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Do đó, nay chị **A** có yêu cầu ly hôn với anh **D**, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án, tuyên bố không công nhận chị **Ngô Thị Á** và anh **Nguyễn Văn D** là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị **A** và anh **D** có 03 người con chung tên **Nguyễn Thị Chúc L**, sinh ngày 25/01/1998, **Nguyễn Thị H**, sinh năm 28/2/1999 **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 01/4/2012. Xét thấy chị **L** và chị **H** đã thành niên và đã lập gia đình sống riêng, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 01/4/2012, hiện nay sống chung với chị **A**. Xét thấy, tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 02/6/2023 của Tòa án thì cháu **Như Ý** thể hiện nguyện vọng là được sống chung với chị **A** khi chị **A** và anh **D** ly hôn.

Tại phiên tòa, chị **A** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chưa thành niên là cháu **Như Ý**; anh **D** đồng ý giao cháu **Như Ý** cho chị **A** tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của chị **A** và anh **D** là phù hợp với nguyện vọng của cháu **Như Ý** nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu **Nguyễn Ngọc Như Ý**, sinh ngày 01/4/2012 cho chị **A** tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **A** không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **A** và anh **D** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Ngô Thị A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Ngô Thị A** và anh **Nguyễn Văn D**.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 01/4/2012 cho chị **A** tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **A** không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **A** và anh **D** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị **Ngô Thị A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001236 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **A** đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị **Ngô Thị A** và anh **Nguyễn Văn D** biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

